

Số: 11 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

**Tác động, ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg
đến việc triển khai thực hiện chính sách dân tộc.**

Kính gửi: Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

Thực hiện Công văn số 193/HĐDT15 ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, về việc báo cáo tác động, ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg), đến việc triển khai thực hiện chính sách dân tộc. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo như sau:

I. Những thuận lợi, khó khăn và tác động ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg đến việc triển khai các chính sách dân tộc đang thực hiện trên địa bàn

1 Những thuận lợi

Quyết định số 861/QĐ-TTg là cơ sở để xác định mức độ phát triển về kinh tế-xã hội của đơn vị hành chính cấp xã từ đó làm căn cứ để hoạch định, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Đồng thời làm cơ sở để áp dụng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

2. Những khó khăn và tác động ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg Thủ tướng Chính phủ và đề xuất, kiến nghị trong thời gian tới

2.1. Việc phân định vùng: Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về việc phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND), trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được phân định có 02 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn), 01 xã khu vực II, 46 xã khu vực I và 15 ấp đặc biệt khó khăn.

So với giai đoạn 2016-2020, số lượng xã, ấp thuộc vùng dân tộc thiểu số thay đổi như sau:

- Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số là: 49 xã (giảm 21 xã);
- Xã khu vực I là: 46 xã (tăng 17 xã);
- Xã khu vực II là: 01 xã (giảm 36 xã);
- Xã khu vực III là 02 xã (giảm 02 xã);
- Ấp đặc biệt khó khăn: 15 ấp (giảm 38 ấp).

Sau khi triển khai thực hiện thì địa bàn, phạm vi và đối tượng thụ hưởng chính sách giảm số lượng lớn. Kiên Giang có dân tộc thiểu số chủ yếu là dân tộc Khmer được xác định là dân tộc còn gặp nhiều khó khăn (theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021), địa bàn sinh sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, biên giới rất cần sự trợ giúp từ các chính sách của Đảng và Nhà nước để hỗ trợ tạo điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của vùng cũng như phát triển nhân lực.

2.2. Lĩnh vực y tế

- Đối với chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn (xã khu vực II) và người dân sinh sống vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) và ấp đặc biệt khó khăn. Sau khi triển khai Quyết định số 861/QĐ-TTg và Quyết định số 612/QĐ-UBND trên địa bàn tỉnh số lượng người dân được cấp bảo hiểm y tế đã giảm khá lớn (trên 66.000 đối tượng), kinh tế- đời sống của đồng bào Khmer còn gặp nhiều khó khăn, không tham gia mua bảo hiểm y tế, đã tác động đến việc tham gia dịch vụ khám chữa bệnh của đồng bào dân tộc Khmer, chỉ tiêu tham gia bảo hiểm y tế của từng địa phương giảm đáng kể, vì đồng bào không có khả năng mua bảo hiểm y tế cho các thành viên trong gia đình, dẫn đến sự thiệt thòi hưởng lợi từ chính sách bảo hiểm y tế và gặp khó khăn trong điều trị bệnh, khi gặp phải cơn bệnh hiểm nghèo.

- Đối với chính sách hỗ trợ phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn khi sinh con đúng chính sách dân số. Qua triển khai thực hiện, kết quả mang lại rất tích cực, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ dân tộc thiểu số nhận thức cao về chính sách dân số và thực hiện tốt việc sinh con đúng chính sách dân số. Tuy nhiên, sau khi triển khai Quyết định số 861/QĐ-TTg, đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn giảm số lượng lớn (67 xã so với giai đoạn 2016-2020), đời sống, kinh tế của người dân ở vùng này còn gặp nhiều khó khăn, tác động lớn đến việc triển khai chính sách dân số đặc biệt là việc sinh con đúng chính sách dân số và chính sách chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

2.3. Lĩnh vực giáo dục

- Việc thực hiện các chính sách giáo dục thời gian qua góp phần cho việc kiên cố hóa trường lớp, tăng cường đầu tư thiết bị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; chính sách đã giúp học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, học

sinh người dân tộc thiểu số yên tâm đến lớp, tỉ lệ học sinh bỏ học giảm. Trước sự sụt giảm địa bàn xã khu vực I, khu vực II, khu vực III, đối tượng thụ hưởng chính sách giáo dục, cùng với sự khó khăn về đời sống của hộ đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, phần lớn hộ thoát nghèo chưa thật sự bền vững, đời sống càng khó khăn hơn do biến đổi khí hậu, đại dịch COVID-19,... chính sách hỗ trợ học sinh bị cắt giảm, gặp khó khăn trong việc mua bảo hiểm y tế của học sinh, đóng học phí,... dẫn đến nguy cơ bỏ học nửa chừng là rất cao.

- Chính sách nội trú: Tác động ảnh hưởng đối với học sinh, sinh viên khi thoát khỏi vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo:

+ Điều kiện phát triển kinh tế của hộ nghèo, cận nghèo rất thấp nên khi thoát khỏi các chính sách ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập của học sinh, sinh viên, thậm chí phải bỏ học vì không nhận được trợ cấp chi phí học tập, các chế độ miễn giảm học phí và gia đình thì không có khả năng cung cấp, đáp ứng nhu cầu học tập; có hộ thoát nghèo, nhưng đời sống của một bộ phận người dân vẫn chưa có nhiều cải thiện; nếu cắt giữa chừng thì ảnh hưởng rất lớn, sẽ có nhiều học sinh, sinh viên thuộc nhóm đối tượng hưởng chính sách phải bỏ học.

+ Khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg số xã khu vực I, II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm xuống, do đó mà xã thuộc địa bàn tuyển sinh của các Trường phổ thông Dân tộc nội trú bị giảm rất nhiều, số lượng học sinh dân tộc thiểu số trong tỉnh được hưởng chính sách dự tuyển vào Trường phổ thông Dân tộc nội trú sẽ thu hẹp lại.

2.4. Lĩnh vực chính sách cán bộ

- Giai đoạn 2016-2020, Chính phủ ban hành chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Từ đó đã thu hút được nguồn nhân lực về công tác vùng này, đã động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động an tâm công tác, gắn bó lâu dài và hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Sau khi phân định lại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, số địa bàn thụ hưởng chính sách giảm, đối với địa bàn không còn chính sách hỗ trợ, ưu đãi dẫn đến một số cán bộ, công chức và người lao động xin chuyển công tác, đã tác động, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, nhất là ở vùng biên giới, ở những xã vừa thoát khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.5. Lĩnh vực tín dụng chính sách

Đối với những hộ không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo không có đủ nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, đặc biệt đối với những hộ thoát nghèo, cận nghèo 3 năm nhưng chưa thật sự bền vững rất cần vay vốn để tiếp tục duy trì và mở rộng sản xuất.

II. Những thuận lợi, khó khăn của việc thực hiện Quyết định số

30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (khi thay đổi tiêu chí vùng đặc biệt khó khăn, vùng còn lại, áp dụng theo Quyết định số 861/QĐ-TTg)

1. Thuận lợi: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021, về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó quan tâm ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt khó khăn, còn khó khăn, biên giới, hải đảo đây là điều kiện đảm bảo để địa phương triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 tính theo định mức phân bổ, chi ngân sách địa phương, trong đó việc phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Khó khăn: Khi Thủ tướng ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg, có hiệu lực từ ngày 04/6/2021 và Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT, theo đó các xã, ấp vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh bị thu hẹp lại, từ đó việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 để thực hiện chế độ chính sách giảm số lượng. Điều này đồng nghĩa với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như trước đây sẽ bị cắt, giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống cán bộ công chức, viên chức, nhân dân, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo, học sinh các cấp học trên địa bàn.

III. Kiến nghị, đề xuất trong thời gian tới

Để đảm bảo cuộc sống ổn định, kinh tế phát triển, người dân được tiếp cận các dịch vụ trong giai đoạn phát triển nền kinh tế mở cửa, hội nhập như hiện nay, nhất là đối với các xã, ấp đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, kiến nghị Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương một số nội dung như sau:

1. Điều chỉnh lại tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và các tiêu chí xác định xã khu vực I, khu vực II, khu vực III và áp đặc biệt khó khăn theo hướng Tiêu chí của xã, phường, thị trấn có số dân là người dân tộc thiểu số từ 5.000 người trở lên được xác định là xã khu vực I, có số dân người dân tộc thiểu

số từ 1.200 người trở lên được xác định là xã khu vực II (đối với các tỉnh Tây Nam Bộ).

2. Đề nghị nghiên cứu có chính sách đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo (nghèo thu nhập và nghèo đa chiều) đang cư trú tại các xã khu vực I, khu vực II như chính sách về văn hóa, giáo dục, y tế.v.v...

3. Rà soát, điều chỉnh chính sách dân tộc đối với đối tượng thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ, Quy định chính sách hỗ trợ phụ nữ nghèo dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số. Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú tại các xã, phường, thị trấn. Định mức hỗ trợ: 4.000.000 đồng/người để phù hợp với điều kiện, tình hình ở địa phương.

4. Kiến nghị Chính phủ xem xét đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới được kéo dài thêm 01 năm kể từ ngày có quyết định công nhận được tiếp tục thụ hưởng Chương trình tín dụng cho hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính cân đối lại giá cả sách giáo khoa Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, vì hiện nay giá sách giáo khoa lớp 1, 2, 6 là khá cao, vượt quá khả năng mua sắm của gia đình học sinh ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Trên đây là Báo cáo tác động ảnh hưởng của Quyết định số 861/QĐ-TTg đến việc triển khai thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Done

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- LĐVP;
- P.KGVX; TH;
- Lưu: VT, ckbich.



Nguyễn Lưu Trung

KIÊN GIANG